

Bản án số: 34/2017/HS-ST
Ngày: 20-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Tuấn – Phó bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Ly – Cán bộ hưu trí huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Q Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2017/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 25/02/1996, tại huyện C, tỉnh A; đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh A; chỗ ở hiện nay: phường T, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và bà Lê Thị L, sinh năm 1972; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/6/2017 đến ngày 05/7/2017 bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh A; (vắng mặt).

Ông Phạm Bảo Q, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh A; (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 03/6/2013, Nguyễn Thanh Đ – sinh ngày 25/02/1996 đến nhà Nguyễn Thị L ở ấp Kiến Thuận 1, xã Kiến Thành dự tiệc thôi nôi con của Phạm Thị T. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc đi vệ sinh, Đ nảy sinh trộm cắp tài sản, nên mở tủ (loại tủ vải) của T lấy trộm 01 cái bóp màu hồng cất giấu trong người rồi chạy xe đạp đến cây xăng S thuộc ấp K, xã K, dừng xe lại kiểm tra bên trong bóp có 02 chiếc vòng nông em bé, trọng lượng 04 phân 06 ly vàng 18kara; 02 chiếc nhẫn em bé trọng lượng 02 phân 01 ly vàng 18kara; 02 chiếc nhẫn xoàn, trọng lượng 02 chỉ 07 phân vàng 18kara và 01 chiếc nhẫn mặt võng, trọng lượng 02 chỉ vàng 24kara, Đ lấy hết số vàng đeo vào tay tiếp tục chạy xe đạp về nhà thì bị Phạm Bảo Q và Văng Thị M đuổi theo bắt giữ giao Công an xã K. Do tại thời điểm phạm tội, Đ là người chưa thành niên, nên cho gia đình bảo lãnh. Ngày 11/11/2013, Đ bỏ trốn, bị truy nã. Đến ngày 26/6/2017, Đ bị bắt theo quyết định truy nã.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 20 ngày 11/6/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Mới:

- 02 vòng nông em bé vàng 18kara, trọng lượng 4 phân 6 ly, trị giá 1.060.000 đồng;
- 02 chiếc nhẫn em bé vàng 18kara, trọng lượng 2 phân 1 ly, trị giá 483.000 đồng;
- 02 chiếc nhẫn xoàn vàng 18kara, trọng lượng 2 chỉ 7 phân, trị giá 6.210.000 đồng;
- 01 chiếc nhẫn mặt võng 24kara, trọng lượng 2 chỉ, trị giá 7.300.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản nêu trên là 15.053.000 đồng.

Ngày 11/11/2013, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Thanh Đ về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 26/6/2017, Nguyễn Thanh Đ bị bắt theo Quyết định truy nã số 03 ngày 23/12/2013.

Ngày 26/6/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự và Quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Nguyễn Thanh Đ.

Tại bản cáo trạng số 31/VKS-HS ngày 08 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

XÉT THẤY:

- *Về tố tụng*: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người bị hại và những người làm chứng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung*:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại và những người làm chứng; phù hợp với các vật chứng bị thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện người bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản của mình, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt số tài sản có tổng trị giá 15.053.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Để sở hữu được tài sản, người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả có thể qua nhiều thế hệ mới tạo lập được. Cho nên, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân nhưng vì hám lợi, lười lao động, muốn nhanh chóng có được tài sản mà không phải tốn công sức lao động bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân

thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Ngoài ra, tại thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên. Vì vậy, cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 69 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo và nghề nghiệp không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Do bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường nên không xét đến.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ đã được Cơ quan điều tra giao trả lại cho bị hại là phù hợp nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: Nguyễn Thanh Đ 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ 26/6/2017 (*ngày hai mươi sáu tháng sáu năm hai nghìn không trăm mười bảy*).

Áp dụng Điều 98, Điều 99, Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh Đ phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà T, ông Q là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lại Hiệp Phong